**Bài 5: Những tình huống khôi hài**

**(Hài kịch)**

**Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn trang 78**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ yêu cầu cần đạt**

- Xác định được một số yếu tố của hài kịch: *xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…*

- Xác định được chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Xác định và phân tích được đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.

- Liên hệ, kết nối với các văn bản có cùng chủ đề.

- Viết được văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.

- Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, nêu rõ ý kiến và các luận điểm sử dụng lý lẽ và bằng chứng thuyết phục.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất**

- Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có vẻ thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: [*Em đã từng nghe, đọc*](https://vietjack.me/em-tung-nghe-doc-hay-da-thuoc-nhung-ca-khuc-bai-tho-nao-108984.html) *hoặc xem một vở hài kịch hay chưa? Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp một vở hài kịch mà em yêu thích nhất.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV giới thiệu:** Bài học gồm hai nội dung: khái quát chủ đề và nêu thể loại các văn bản đọc chính. Với chủ đề Những tình huống khôi hài, bài học tập trung vào một số vấn đề thiết thực, có ý nghĩa quan trọng về những tình huống kịch.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng |  |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định và phân tích được tình huống kịch.

- Xác định được hành động kịch và xung đột kịch.

- Xác định và phân tích được ngôn ngữ, lời thoại kịch.

- Nhận diện và xác định được nhân vật kịch trong văn bản.

- Xác định và được chủ đề của tác phẩm văn học

- Xác định và phân tích được đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  *-*GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *+ Hài kịch là gì?*  *+ Nhân vật của hài kịch là gì?*  *+ Hành động trong hài kịch là gì?*  *+ Thế nào là xung đột kịch?*  *+ Lời thoại là gì?*  *+ Thế nào là lời chỉ dẫn sân khấu?*  *+ Thế nào là chủ đề? Để xác định chủ đề của tác phẩm cần dựa vào yếu tố nào?*  *+ Trình bày đặc điểm và chức năng của trợ từ và thán từ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **1. Hài kịch**  - Hài kịch là một thể loại kịch dùng biện pháp gây cười để chế giễu các tính cách và hành động xấu xa, lố bịch, lỗi thời của con người. Lão hà tiện, Tác-tuyp (Tartulfe), Trưởng giả học làm sang của Mô-li-e (Molière)... là những kiệt tác về hài kịch.  Hài kịch mang đầy đủ các đặc điểm chung của kịch, đồng thời thể hiện đặc điểm riêng qua các yếu tố như: nhân vật, hành động, xung đột, lời thoại, thủ pháp trào phúng,  - Nhân vật của hài kịch là đối tượng của tiếng cười, gồm những hạng người hiện thân cho các thói tật xấu hay những gì thấp kém trong xã hội. Tính cách của nhân vật hải kịch được thể hiện qua những biến cố dẫn đến sự phơi bảy, phê phán cái xấu.  - Hành động trong hài kịch là toàn bộ hoạt động của các nhân vật (bao gồm lời thoại, điệu bộ, cử chỉ...) tạo nên nội dung của tác phẩm hài kịch. Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng tấn công - phản công; thăm dò – lảng tránh; chất vấn – chối cãi; thuyết phục – phủ nhận/ bác bỏ, cầu xin – từ chối;  Mọi hành động lớn nhỏ trong kịch nói chung, hài kịch nói riêng đều dẫn tới xung đột và giải quyết xung đột, qua đó, thể hiện chủ đề của tác phẩm.  - Xung đột kịch thường nảy sinh dựa trên sự đối lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thế lực. Có nhiều kiểu xung đột: xung đột giữa cái cao cả với cái cao cả, giữa cái cao cả với cái thấp kém, giữa cái thấp kém với cái thấp kém... Trong hài kịch, do đặc điểm, tính chất của các nhân vật, xung đột thường diễn ra giữa cái thấp kém với cái thấp kém.  Ví dụ: xung đột giữa những kẻ có mưu đồ đen tối với nhau hay xung đột giữa thói keo kiệt, bủn xỉn của một kẻ cho vay nặng lãi với nhu cầu tiêu pha lãng phí của những đứa con hư...  - Lời thoại là lời của các nhân vật hài kịch nói với nhau (đối thoại), nói với bản thân (độc thoại) hay nói với khán giả (bảng thoại), góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển.  - Lời chỉ dẫn sân khấu là những lời chú thích ngắn gọn của tác giả biên kịch (thưởng để trong ngoặc đơn) nhằm hướng dẫn, gợi ý về cách bài trí, xử lí âm thanh, ánh sáng, việc vảo – ra sân khấu của diễn viên thủ vai nhân vật củng trang phục, hành động, cử chỉ, cách nói năng của họ...  - Thủ pháp trào phúng: Hài kịch thưởng sử dụng các thủ pháp trào phúng như phóng đại tinh phi lô-gíc, tính không hợp tình thế trong hành động của nhân vật (hành vi, lời nói, cử chỉ, trang phục...); các thủ pháp tăng tiến, giễu nhại, mỉa mai; lối nói hóm hỉnh, lối chơi chữ, lối nói nghịch lý...  **2. Căn cứ để xác định chủ đề**  - Chủ đề là vấn đề chính mà tác phẩm muốn nêu lên qua một hiện tượng đời sống. Để xác định chủ đề của tác phẩm văn học, cẩn dựa trên nhiều yếu tố như: nhan đề, hệ thống các chi tiết và mối quan hệ giữa chúng trong tác phẩm; giọng điệu, ngôn tử, thái độ, tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình (trong tác phẩm thơ), cách xây dựng nhân vật, cốt truyện, sử dụng tình huống, hành động, xung đột ... (trong tác phẩm truyện và tác phẩm kịch).  **3. Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ**  - Trợ từ là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câu. Ví dụ: những, có, chính, đích, ngay nhỉ, nhé, nha, nghen...  Trợ tử không có vị trí cố định ở trong câu. Có thể chia thành hai loại trợ từ:  – Trợ tử nhấn mạnh (những có, chính, mỗi, ngày...): thưởng đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh.  Ví dụ:  Má đưa cho tôi những mười tờ một trăm, bảo mua ngay một chồng và mới.  “Những” trong câu trên là trợ từ, có chức năng nhấn mạnh mức độ về lượng nhiều hơn mức cần có hay mong đợi.  – Trợ từ tình thái (tiểu từ tinh thái) (à, a, nhỉ, nhé, nha, nhen, nghen, đẩy này...) thường đứng ở đầu và cuối câu, có tác dụng tạo kiểu câu nghi vấn, câu khiến, câu cảm thán hoặc thể hiện thái độ đánh giá, tình cảm của người nói.  thản.  *Ví dụ: Bác này lí luận hay nhỉ*  *(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)*  “Nhỉ” trong câu trên là trợ từ tình thái, biểu thị ý mỉa mai, dùng ở cuối câu cảm  Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Có thể chia thành hai loại thân từ  - Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc (a, ả, ô, ôi, ối, chà...): dùng để bộc lộ các trạng thái tình cảm, cảm xúc (vui mừng, ngạc nhiên, đau đớn, sợ hãi...).  Ví dụ:  Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?”.  *(Nam Cao, Lão Hạc)*  – Thán từ gọi đáp (ơi, dạ, vâng, i...)  Ví dụ: – Dạ, bẩm đức ông, anh em chúng tôi xin bái tạ ơn người.  *(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)*  Thán từ thường đứng đầu câu và có khả năng tách ra tạo thành một câu đặc biệt. Khi sử dụng thán từ, người nói thưởng dùng kèm theo ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt... tương ứng với tình cảm, cảm xúc mà thần từ biểu thị. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:*Vẽ sơ đồ trình bày kiến thức về truyện cười.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS: Viết bài văn có sử dụng trợ từ và thán từ.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Ông Giuốc – Đanh mặc lễ phục**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được một số yếu tố của hài kịch: *xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…*

- Xác định và phân tích được chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có vẻ thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

+ GV cho HS xem video: *“Trưởng giả học làm sang”.*

<https://www.youtube.com/watch?v=evxxxk2Z_sI&ab_channel=S%C3%A0iG%C3%B2nGi%E1%BA%A3iTr%C3%AD>

+ GV đặt câu hỏi: *Sau khi xem video, em có cảm nhận gì về nhân vật trưởng giả?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học *Ông Giuốc – Đanh mặc lễ phục* sẽ giúp chúng ta tìm hiểu kĩ hơn về thể loại hài kịch.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  GV yêu cầu HS giới thiệu về tác giả Mô-li-e  (1) Tên tuổi xuất thân  (2) Các tác phẩm nổi tiếng  + Xuất xứ văn bản?  + Tóm tắt lại tác phẩm “*Trưởng giả học làm sang”*  + Xác định vị trí 2 cảnh chính của vở kịch?  *- GV hướng dẫn cách đọc.*  GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **-** Mô-li-e (1622 -1673)nhà soạn kịch nổi tiếng người Pháp.  - những vở kịch nổi tiếng: Trưởng giả học làm sang, Lão hà tiện, Người bệnh tưởng.  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ:Đoạn trích là lớp kịch kết thúc hồi 2 , trích vở kịch 5 hồi *Trưởng giả học làm sang.*  - Thể loại: hài kịch  - Bố cục:  Cảnh 1:Ông Giuốc-đanh và bác phó may.  Cảnh 2:Ông Giuốc-đanh và 4 thợ phụ. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được một số yếu tố của hài kịch: *xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…*

- Xác định và phân tích được chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Liệt kê tên các nhân vật trong văn bản “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”?*  *+ Các nhân vật ấy hiện thân cho cái cao cả hay cái thấp kém?*  *+ Tiếng cười chủ yếu hướng đến nhân vật nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  \* Chia lớp thành 4 nhóm thảo luận hoàn thành các phiếu học tập:  **Nhóm 1:** Phiếu học tập số 1 tìm hiểu về hành động, ngôn ngữ hài kịch.  **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật, lời thoại** | **Hành động** | **Tác động** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   **Nhóm 2:** Xung đột liên quan đến hành vi (1) của phó may: Mua bít tất quá chật  **Phiếu học tập 2**   |  |  | | --- | --- | | **Hành động và xung đột** | **Giữa ông Giuốc-Đanh và phó may** | | Các hành động làm nảy sinh xung đột (1) |  | | Các hành động giải quyết xung đột (1) |  |   **Nhóm 3:** Xung đột liên quan đến hành vi (2) của phó may: May hoa ngược  **Phiếu học tập 3**   |  |  | | --- | --- | | **Hành động và xung đột** | **Giữa ông Giuốc-Đanh và phó may** | | Các hành động làm nảy sinh xung đột (2) |  | | Các hành động giải quyết xung đột (2) |  |   **Nhóm 4:** Xung đột liên quan đến hành vi (3) của phó may: Ăn bớt vải  **Phiếu học tập 4**   |  |  | | --- | --- | | **Hành động và xung đột** | **Giữa ông Giuốc-Đanh và phó may** | | Các hành động làm nảy sinh xung đột (2) |  | | Các hành động giải quyết xung đột (3) |  |   *-* Sau khi hoàn thành 4 phiếu học tập, các nhóm trả lời các câu hỏi:  **+ Nhóm 4:** *Tìm hiểu hành động, ngôn ngữ, xung đột hài kịch*  **+ Nhóm 3:** *Em hiểu thế nào là hành động trong hài kịch?*  + **Nhóm 2:** *Qua các hành động và xung đột kịch em hiểu nhân vật ông Giuốc-đanh và phó may là những người như thế nào?*  **+ Nhóm 1:** *Theo em, vì sao hành động của các nhân vật và cách giải quyết xung đột trong màm kịch trên lại làm bật lên tiếng cười?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  *1. Màn kịch Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục khai thác dạng xung đột nào trong các dạng xung đột dưới đây?*  *a, Xung đột giữa " cái cao cả" với " cái cao cả"*  *b, Xung đột giữa " cái cao cả" với " cái thấp kém"*  *c, Xung đột giữa " cái thấp kém" với " cái thấp kém"*  *Dựa vào đâu em khẳng định như vậy?*  *2. Xác định chủ đề văn bản?*  *3. Phân tích một trong những thủ pháp trào phúng mà em cho là hiệu quả rõ rệt trong việc thể hiện chủ đề?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Những cụm từ in nghiêng đặt trong ngoặcđơn như: “ông Giuốc-đanh (nhìn bác phó may), “ông Giuốc-đanh (nói riêng) là lời của ai và có vai trò như thế nào trong văn bản?*  *+ Nếu thiếu đi các đoạn văn in nghiêng ở giữa và cuối văn bản thì việc phát triển xung đột kịch thể hiện tính cách nhân vật ông Giuốc-đanh và tạo tiếng cười trong kịch bản sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Nhân vật, hành động, ngôn ngữ và xung đột hài kịch**  **a. Nhân vật**  - Nhân vật: Ông Giuốc-đanh, phó may, thợ phụ.  - Các nhân vật (Ông Giuốc-đanh, phó may, thợ phụ) đều hiện thân cho cái thấp kém.  - Tiếng cười hướng đến tất cả các nhân vật nhưng chủ yếu hướng đến nhân vật ông Giuốc-đanh, cụ thể là thói học làm sang lố bịch của ông.  **b. Hành động, ngôn ngữ**  **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật, lời thoại** | **Hành động** | **Tác động** | | Ông Giuốc-Đanh – Thế này là thế nào? Bác may hoa ngược mất rồi! | Chất vấn, trách cứ, bực bội, chê bai | Làm nảy sinh xung đột | | Phó may – nào ngài có bảo là ngài muốn may xuôi đâu! | Chối cãi, chống chế | Kiềm chế, ngăn chặn xung đột | | Ông Giuốc-Đanh – Lại cần phải bảo may hoa xuôi ư? | Ngờ vực, thắc mắc | Duy trì xung đột | | Phó may – Vâng, phải bảo chứ. Vì những người quý phái đều mặc như thế cả. | Chống chế, lừa bịp | Kiềm chế, ngăn chặn xung đột | | Ông Giuốc-Đanh – những người quý phái mặc áo ngược hoa ư?  Phó may – Thưa ngài, vâng | Bị lừa bịp - giải tỏa ngờ vực | Hòa hoãn | | Ông Giuốc-Đanh - Ồ! Thế thì bộ áo này may được đấy. | Tỏ sự hài lòng, khen ngợi | Thuyết phục và bị thuyết phục, mâu thuẫn được giải quyết |   **Phiếu học tập số 2**   |  |  | | --- | --- | | **Hành động và xung đột** | **Giữa ông Giuốc-Đanh và phó may** | | Các hành động làm nảy sinh xung đột (1) | - Phó may:  + Hành vi (1): ăn bớt tiền (mua bít tất chật).  Ông Giuốc-Đanh:  + Hành vi/ lời thoại: kêu than, trách móc, bực dọc khi thử bít tất chật bị đau chân. | | Các hành động giải quyết xung đột (1) | - Phó may:  + Hành vi/ lời thoại: lí sự, tìm cách xoa dịu, phủ định về chuyện bít tất chật gây dau chân.  => Xung đột (1) được giải quyết |   **Phiếu học tập số 3**   |  |  | | --- | --- | | **Hành động và xung đột** | **Giữa ông Giuốc-Đanh và phó may** | | Các hành động làm nảy sinh xung đột (2) | - Phó may:  + Hành vi (2): may hoa ngược; lời thoại: ba hoa, khoác lác về chất lượng bộ lễ phục.  - Ông Giuốc-Đanh:  + Hành vi/ lời thoại: ngờ vực, chất vấn về hoa trên áo phạm lỗi may ngược. | | Các hành động giải quyết xung đột (2) | - Phó may:  + Hành vi/ lời thoại: lí sự, tìm cách xoa dịu, phủ định về chuyện bít tất chật gây dau chân.  - Ông Giuốc-Đanh:  + Hành vi/ lời thoại: chuyển từ bực bội sang hài lòng, từ chê sang khen.  => Xung đột (2) được giải quyết |   **Phiếu học tập số 4**   |  |  | | --- | --- | | **Hành động và xung đột** | **Giữa ông Giuốc-Đanh và phó may** | | Các hành động làm nảy sinh xung đột (2) | - Phó may:  + Hành vi (3): ăn bớt vải (gạn vải may lễ phục của ông Giuốc-Đanh để may áo cho bản thân  - Ông Giuốc-Đanh:  + Hành vi/ lời thoại: phát hiện, phản ánh việc phó may ăn bớt vải của mình may cho hắn. | | Các hành động giải quyết xung đột (3) | - Phó may:  + Hành vi/ lời thoại: lấy lí do vải tốt, đẹp, dùng từ ngữ lập lờ “gạn” che đậy hành vi; đánh lạc hướng sang thử lễ phục.  - Ông Giuốc-Đanh:  + Hành vi/ lời thoại: chưa kịp phản ứng về việc bị ăn bớt vải đã bị mê hoặc bởi việc thử lễ phục theo cách thức các nhà quý phái.  **=> Xung đột (3) được giải quyết** |   **\* Kết luận:**  - **Hành động trong hài kịch:** là toàn bộ hành động của các nhân vật (lời thoại, điệu bộ, cử chỉ) tạo nên nội dung của tác phẩm. Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng khác nhau: tấn công – phản công, thăm dò – lảng tránh, chất vấn – chối cãi, cầu xin – từ chối…  **- Qua hành động và xung đột kịch ta thấy**:  + Ông Giuốc- đanh: Mê muội, ngu dốt, ngớ ngẩn.  + Bác phó may: Láu cá, lừa bịp.  *-* **Yếu tố hài được xây dựng trên cơ sở “Cái trái tự nhiên***”:* Tiếng cười bật ra từ nhiều nguyên nhân, hành vi, lời nói của các nhân vật, nhưng suy cho cùng nó toát ra từ thói thích học làm sang của ông Giuốc-đanh. Là “trưởng giả học làm sang”, ông ta tự biến mình thành kẻ lố bịch hoặc dễ dàng bị người khác xỏ mũi, biến ông ta thành lố bịch.  **2. Kiểu xung đột, chủ đề văn bản và thủ pháp trào phúng**  **a. Kiểu xung đột**  **-** Xung đột giữa " cái thấp kém" với " cái thấp kém"  **- Các nhân vật** (Ông Giuốc-đanh, phó may, thợ phụ) đều hiện thân cho cái thấp kém  **b. Chủ đề văn bản**  - Sự tốn kém và lố bịch của ông Giuốc-đanh trong việc mặc lễ phục nhằm thỏa mãn ham muốn “học làm sang”.  **c. Thủ pháp trào phúng**  - Thủ pháp phóng đại (nói quá), thủ pháp lặp lại và tăng tiến, thủ pháp phóng đại sự lố bịch bằng những động tác cơ thể.  **- VD:** Thủ pháp phóng đại có tác dụng tô đậm, chế giễu sự ngớ ngẩn của ông Giuốc-đanh: ông tin vào một điều rất vô lý rằng: hoa may ngược trên lễ phục là “mốt” thời thượng hay sở thích của những người quý phái.  **3. Vai trò của chỉ dẫn sân khấu**  - Gợi ý, chỉ dẫn việc ra, vào sân khấu, cách diễn xuất của diễn viên, cách bài trí sân khấu.  - Đoạn văn in nghiêng trong văn bản là chỉ dẫn sân khấu:  + Có vai trò chỉ dẫn việc tổ chức hoạt động của các diễn viên trên sân khấu.  + Đây còn như màn kịch không lời phô bày 1 cách tập trung tính chất lố bịch, nhố nhăng trong hành động của các nhân vật.  => Đoạn văn cho thấy sự sáng tạo độc đáo, đầy dụng ý và hiệu quả của Mô-li-e. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Một số bạn cho rằng nên dung Trưởng giả học làm sang làm nhan đề cho văn bản trên; một số khác lại cho rằng Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục mới sát hợp với nội dung văn bản trên? Em tán đồng ý kiến nào? Vì sao?*

- Gợi ý đáp án:

Thực ra “Trường giả học làm sang” là nhan đề của vở hài kịch lớn gồm 5 hồi dùng “Trưởng giả học làm sang” làm nhanh để cho hồi nảy cũng phù hợp. Tuy nhiên, ở hồi này chủ đề “học làm sang” xoay quanh việc học mặc lễ phục của ông Giuốc-đanh. Vì thế dùng nhan để “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục” có ưu điểm là sát với hành động và tình huống cụ thể. Điều này cũng cho thấy, đối với một văn bản tùy góc nhìn có thể đặt các nhan đề khác nhau.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS*:* *Làm việc theo nhóm, đóng vai nhân vật trong lớp kịch Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục và lập buổi talk show bàn về những vấn đề sau:*

*+ Em đánh giá thế nào về nhân vật Giuốc-đanh và những tên thợ may. Họ đại diện cho ai?*

***+*** *Trang phục (cái bề ngoài) có làm thay đổi được bản chất con người không?*

*+ Đánh giá hiện tượng muốn chứng minh đẳng cấp sành điệu qua vẻ bề ngoài trong xã hội nay*

- Sản phẩm: Video, thuyết trình trực tiếp.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Cái chúc thư**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận diện và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: *xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…*

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

*- Yêu nước:* Yêu di sản văn hóa dân tộc qua các tác phẩm kinh điển xưa.

*- Chăm chỉ:* Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

*- Trách nhiệm:* Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm học tập phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

**Nhiệm vụ 1**: GV kiểm tra kiến thức về thể loại Hài kịch qua công cụ Plickers trực tuyến. Các câu hỏi thiết kế như sau:

***1. Thể loại kịch dùng biện pháp gây cười để chế giễu các tính cách và hành động xấu xa, lố bịch, lỗi thời của con người là:***

*a. Bi kịch*

*b. Chính kịch*

*c. Hài kịch*

*d. Bi hài kịch.*

***2. Nhân vật của hài kịch gồm những hạng người như thế nào?***

*a. Hiện thân cho các thói hư tật xấu.*

*b. Những con người lương thiện, dũng cảm, anh hùng.*

*c. Những con người có lý tưởng sống cao đẹp.*

*d. Đại diện cho vẻ đẹp về tâm hồn của con người.*

***3. Hành động trong hài kịch là?***

*a. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo.*

*b. Lời thoại, điệu bộ, cử chỉ*

*c. Các lời dẫn sân khấu.*

*d. Sự sắp xếp diễn biến kịch.*

***4. Mọi hành động lớn nhỏ trong kịch đều dẫn tới điều gì?***

*a. Lời thoại của các nhân vật*

*b. Thủ pháp trào phúng*

*c. Xung đột và giải quyết xung đột.*

*d. Ngoại hình của các nhân vật.*

***5. Tác phẩm nào dưới đây thuộc thể loại kịch?***

*a. Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam)*

*d. Gia tài (Vũ Đình Long)*

*c. Dòng sông đen (Jules Verne)*

*d. Bức thư của thủ lĩnh da đỏ (Chief Seattle)*

**Nhiệm vụ 2:** GV cho HS trao đổi, thảo luận và chia sẻ những hiểu biết của mình về chúc thư.

*Các bản chúc thư thường có nội dung, mục đích thế nào và thường do ai lập? Điều gì bảo đảm cho một bản chúc thư có giá trị?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học *Cái chúc thư* sẽ giúp chúng ta tìm hiểu kĩ hơn về thể loại này.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Có nhận thức khái quát về văn bản.

**b. Nội dung:** Đọc phân vai, hóa thân thành nhân vật và trả lời câu hỏi dự đoán, suy luận.

**c. Sản phẩm học tập:**Trích đoạn kịch hoàn chỉnh do HS biểu diễn, câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1. Đọc, trải nghiệm đóng vai**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phân vai cho hs hóa thân vào nhân vật.  - Chuẩn bị: diễn viên: 6 bạn hs; đạo cụ: 1 ghế  - Các vai diễn: Hy Lạc, Khiết, Lý, Thận Trọng, 2 thư ký.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* NV 2: Dự đoán, suy luận**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu hs trả lời các câu hỏi dự đoán và suy luận trong bài.  *a. Điều gì sẽ xảy ra với các nhân vật khi họ tham dự vào màn kịch làm chúc thư mạo danh này?*  *b. Ở lớp kịch thứ III và thứ IV, khi sắp thực hiện mưu kế đã vạch sẵn, tâm trạng của Hy Lạc, Khiết, Lý có gì khác nhau? Vì sao có sự khác nhau ấy?*  *c. Từng nhân vật: Hy Lạc, Khiết, Lý hiện ra trong màn kịch với nét tính cách như thế nào?*  - GV cho hs nhận xét và nêu cảm nhận chung của mình về từng nhân vật.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* NV 3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  GV yêu cầu HS:  *+ Giới thiệu về tác giả Vũ Đình Long.*  *+ Nêu xuất xứ của văn bản.*  *+ Tóm tắt lại tác phẩm.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1**. **Đọc, trải nghiệm đóng vai**  Yêu cầu: Các nhân vật thể hiện giọng điệu và hành động giống với đặc trưng tính cách từng nhân vật.  **2. Dự đoán, suy luận**  a. Điều gì sẽ xảy ra với các nhân vật khi họ tham dự vào màn kịch làm chúc thư mạo danh này?  *- Nếu thành công thì họ sẽ kiếm được lợi ích to lớn cho bản thân còn nếu thất bại thì họ sẽ bị mất tất cả và thậm chí là bị bỏ tù.*  b. Ở lớp kịch thứ III và thứ IV, khi sắp thực hiện mưu kế đã vạch sẵn, tâm trạng của Hy Lạc, Khiết, Lý có gì khác nhau? Vì sao có sự khác nhau ấy?  *- Hy Lạc mong chờ, thúc giục vì hy vọng vào lợi ích của bản thân*  *- Lý đồng tình và bình tĩnh với kế hoạch*  *Hy lạc và Lý không lo sợ vì tự tin vào kế hoạch và không phải là người trực tiếp đóng giả ông cụ Di Lung*  *- Khiết bồi hồi, lo sợ vì chính bản thân mình là người trực tiếp đóng giả ông cụ.*  c. Từng nhân vật: Hy Lạc, Khiết, Lý hiện ra trong màn kịch với nét tính cách như thế nào?  *- Hy Lạc: mưu mô, tính toán, trục lợi*  *- Lý: giả dối, vui mừng khi được hưởng lợi*  *- Khiết: Lật lọng, giảo hoạt, là kẻ cơ hội.*  **3. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Vũ Đình Long (1896 -1960) quê ở thôn Mục Xá, xã Cao Dương, [huyện Thanh Oai](http://mobile.coviet.vn/detail.aspx?key=huy%E1%BB%87n+Thanh+Oai&type=A0), tỉnh [Hà Đông](http://mobile.coviet.vn/detail.aspx?key=H%C3%A0+%C4%90%C3%B4ng&type=A0) (nay thuộc thành phố [Hà Nội](http://mobile.coviet.vn/detail.aspx?key=H%C3%A0+N%E1%BB%99i&type=A0)).  - Năm 1918, ông dạy học ở Hà Đông, sau chuyển về dạy học tại Hà Nội.  - Năm 1925, ông vừa làm việc ở Sở Học chánh Hà Nội vừa mở hiệu sách và Nhà xuất bản Tân Dân.  - Năm 1936, ông thôi việc ở Sở học chánh, chuyên tâm cho việc xuất bản và khai sáng các tờ báo, tạp chí văn chương nổi tiếng như: Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san, Tao đàn, Ích hữu…  - Sau Cách mạng tháng Tám, ông tham gia Hội Văn hoá cứu quốc, tục bản Tiểu thuyết Thứ Bảy và duy trì Nhà in Tân Dân.  Năm 1954, ông được bầu làm Ủy viên Ban chấp hành Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam.  **b. Tác phẩm**  - Do Vũ Đình Long phóng tác từ vở hài kịch Lê-ga-tê Uy-ni-xéc-xen của Ra-nha.  - In trong Tuyển tập kịch Vũ Đình Long, NXN Hội nhà văn, 200)  - Tóm tắt:  Văn bản nói về cụ Di Lung lâm bệnh nặng, có nguy cơ không qua khỏi. Gia tài của cụ chưa biết sẽ để cho ai, Hy Lạc, Khiết và Lý bàn mời công chứng đến nhà lập chúc thư giả. Khiết cải trang làm ông Di Lung lừa bịp công chứng viên. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được một số yếu tố của hài kịch: *xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…*

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 3 nhóm, cho học sinh làm phiếu học tập số 1,2,3 và trả lời câu hỏi:  *+ Xung đột trong các lớp kịch này là gì?*  *+ Thủ pháp trào phúng đặc sắc trong văn bản?*  **Nhóm 1:** Phiếu học tập số 1   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Biểu hiện cụ thể của hành động kịch trong văn bản | | | | | **Nhân vật** | **Hành động kịch qua lời đối thoại** | **Hành động kịch qua lời độc thoại** | **Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi** | | Hy Lạc |  |  |  | | Khiết |  |  |  | | Lý |  |  |  |   **Nhóm 2:** Phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | Điểm tương đồng và khác biệt giữa Hy Lạc với Khiết, Lý | | | **Hy Lạc** | **Khiết, Lý** | | Tương đồng: ……………………………  …………………………………………. | | | Khác: | | | ……………………………………………………… | ……………………………………………………… |   **Nhóm 3:** Phiếu học tập số 3   |  |  | | --- | --- | | Điểm tương đồng và khác biệt về tính cách giữa Khiết với Lý | | | **Khiết** | **Lý** | | Tương đồng:  ………… ……………………………  ………………………………………. | | | Khác biệt: | | | ……………………………………………………… | ……………………………………………………… |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  *+ Thông điệp của văn bản là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **- GV chốt lại kiến thức.** | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **a. Một số yếu tố của hài kịch qua văn bản**  **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Biểu hiện cụ thể của hành động kịch trong văn bản | | | | | **Nhân vật** | **Hành động kịch qua lời đối thoại** | **Hành động kịch qua lời độc thoại** | **Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi** | | Hy Lạc | Anh đừng sợ, phải quyết tâm mới được. (nói với Khiết)  … | *(nói riêng)* Hai trăm ngàn đồng! Thằng vô lại nó láo quá!  … | (**cũng vờ như Lý**) Bác để gia tài cho cháu, không bằng là bác cứ sống mãi với cháu  … | | Khiết | Cậu nói đúng. Thôi thì tôi cũng liểu (Nói với Hy Lạc)  … |  | *(****cởi áo****)* Phải nhanh lên mới được  … | | Lý | Anh mặc thêm cái áo măng tô này. Những khi yếu mệt, ông cụ vẫn hay mặc áo ấy. (nói với Khiết)  … | *(nói riêng)* Cảm tạ Trời Phật. … | *(****vất gói quần áo xuống****)* Đây áo, quần, mũ trùm đầu của ông cụ Di Lung đấy.  … |   **Phiếu học tập số 2**   |  |  | | --- | --- | | Điểm tương đồng và khác biệt giữa Hy Lạc với Khiết, Lý | | | **Hy Lạc** | **Khiết, Lý** | | Hy Lạc, Khiết, Lý đều **nóng lòng** trông chờ vào việc hưởng lợi từ cái chúc thư mà cụ Di Lung sắp lập; đều **lo lắng** mình không được thừa kế hoặc không được chia chác quyền lợi. Hy Lạc, Khiết, Lý đều là những kẻ **liều lĩnh** thực hiện âm mưu làm chúc thư giả khi cụ Di Lung sắp “chầu trời”. Hy Lạc, Khiết, Lý **vừa thống nhất vừa có mâu thuẫn, xung đột về quyền lợi** | | | Là cháu trai, có cơ hội được hưởng gia tài nhiều hơn, thậm chí sẽ là người toàn phần, duy nhất; Tuy là “cậu chủ” nhưng đành phải cậy nhờ đến hai người giúp việc, nhất là Khiết; trong màn kịch lập chúc thư giả, Hy Lạc đành ở vào vị thế yếu, bị Khiết giả vai cụ Di Lung. | Là những người hầu/ giúp việc, chỉ có thể được chia phần, hưởng lợi nếu Hy Lạc chính thức là người thừa kế gia tài của Di Lung; Vì lòng tham, dám liều lĩnh thực hiện trò giả dối, phạm pháp, lưu manh (Khiết bị Hy Lạc gọi là thằng bợm, đồ đểu cáng…). |   **Phiếu học tập số 3**   |  |  | | --- | --- | | Điểm tương đồng và khác biệt về tính cách giữa Khiết với Lý | | | **Khiết** | **Lý** | | Đều là người hầu/ giúp việc, chỉ có thể được chia phần, hưởng lợi nếu Hy Lạc chính thức là người thừa kế gia tài của Di Lung; | | | Là người hầu trai của Hy Lạc, tham gia màn kịch lập chúc thư giả trong vai trò đồng chủ mưu; Liều lĩnh, đểu cáng khi dám vượt quyền Hy Lạc, tận dụng vị thế vai kịch, thu vén lợi ích cho bản thân và Lý, cô vợ tương lai của hắn (Khiết bị Hy Lạc gọi là “thằng bợm”, đồ “đểu cáng”, đồ “du đãng”, “thằng phản bội” …) | Là hầu gái của cụ Di Lung, lợi ích của Lý gắn liền với lợi ích của Khiết và Hy Lạc;  Tuy có chút tình cảm chân thành nhưng vì những gì được hưởng, sẵn sàng làm kẻ phụ hoạ đắc lực cho mưu đồ lập chúc thư giả; |   **\* Kết luận:**  *- Nhân vật và hành động, lời thoại kịch:*  Các nhân vật vì muốn thừa hưởng gia tài mà vào hùa nhau làm điều phạm pháp, đóng giả cụ Di Lung lập chúc thư giả, giả mạo chữ kí. Các hành động thể hiện qua lời đối thoại, độc thoại, qua cử chỉ, hành vi của các nhân vật.  - *Xung đột kịch:* có thể xem đây là xung đột giữa “cái thấp kém” với “cái thấp kém”  - *Thủ pháp trào phúng:*  + Cách sắp xếp hành động, sự việc: hoán đổi vị thế hài hước, lố bịch. Người hầu được định đoạt, phán quyết về quyền lợi của người khác. Cậu chủ lại vào vai cháu phải vâng lời người hầu của mình.  + Cách dựng đối thoại: tạo lời thoại đứt đoạn của nhân vật Khiết trong vai cụ Di Lung nhằm tăng cường kịch tính.  + Tạo sự mâu thuẫn hay thống nhất giữa lời đối thoại và độc thoại để thể hiện cái thấp kém trong nhân vật.  **b. Thông điệp của văn bản**  - Vì quyền lợi vật chất (như thừa kế gia tài, chia chác lợi tức…), Những kẻ tham lam, hám lợi có thể hành động liều lĩnh, bất chấp pháp luật và đạo lí. Sẵn sàng cấu kết với nhau thực hiện mưu đồ bất chính, nhưng vì tranh đoạt quyền lợi, khi cần, họ có thể “phản bội” nhau. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

*+ Suy nghĩ của em về ý kiến: Nhân vật cụ Di Lung tuy không xuất hiện nhưng thực ra vẫn luôn luôn có mặt trong các lớp kịch III, IV, V, VI.*

*+ Suy nghĩ của em về ý kiến: Cái chúc thư cũng là một nhân vật văn học có nhiều ý nghĩa.*

- Gợi ý đáp án:

\* Với ý kiến cho rằng: *Nhân vật cụ Di Lung tuy không xuất hiện nhưng thực ra vẫn luôn luôn có mặt trong các lớp kịch III, IV, V, VI.*

+ HS có thể bày tỏ sự đồng tình bởi một số lí do, chẳng hạn:

– Gia tài là của cụ Di Lung và cái chúc thư dù thật dù giả đều gắn liền với nhân vật cụ Di Lung, nên dù vắng mặt, cụ Di Lung vẫn luôn hiện hữu trong lời nói, ý nghĩ, hành động của các nhân vật Hy Lạc, Khiết, Lý.

– Văn bản là một màn kịch, cụ Di Lung “giả” xuất hiện đầy quyền uy (do nhân vật Khiết người hầu trai của Hy Lạc giả danh) mang hình bóng của cụ Di Lung “thật”. Điều này gây cảm giác cụ Di Lung vẫn luôn hiện hữu.

+ HS cũng có thể bày tỏ sự không đồng tình với ý kiến trên, bởi lí do, chẳng hạn:

Không nên đồng nhất sự hiện hữu thật sự của nhân vật với ảo ảnh, hình bóng của nhân vật ấy.

\* Với ý kiến cho rằng: *Cái chúc thư* cũng là một nhân vật văn học có nhiều ý nghĩa.

+ HS có thể bày tỏ sự đồng tình với ý kiến trên với lập luận, chẳng hạn:

Nhân vật trong tác phẩm văn học không phải chỉ có con người; trong nhiều trường hợp, thần thánh, ma quỷ, con vật, đồ vật cũng có thể được xây dựng như một hình tượng nhân vật nhân hoá, mang nghĩa biểu tượng.

Trong văn bản *Cái chúc thư*, “cái chúc thư” có thể xem là một hình tượng nhân vật mang nghĩa biểu tượng, tạo tính mập mờ hài hước giữa thật và giả, giữa hợp pháp và bất hợp pháp, giữa việc tự nguyện cho thừa kế và việc giả danh để chiếm quyền thừa kế…

+ HS cũng có thể bày tỏ sự không đồng tình ý kiến trên, với lập luận, chẳng hạn:

*Cái chúc thư* là văn bản kịch, nhân vật kịch khác nhân vật truyện ở chỗ phải có hành động và được thể hiện qua hành động (lời thoại, hành vi, cử chỉ…), tương tác với nhân vật khác, góp phần làm nảy sinh xung đột hay giải quyết xung đột. “Cái chúc thư” có thể xem là một hình ảnh biểu tượng, nhưng không thể/ không nên xem là nhân vật kịch vì nó không có hành động.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS*:* Sưu tầm một số vở kịch có cùng chủ đề với văn bản *“Cái chúc thư”.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Loài vi trùng quý hiếm**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận diện được một số thông tin chính của văn bản: *nhân vật, tình huống…*

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Liên hệ, kết nối với văn bản: *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục, Cái chúc thư* để hiểu hơn về chủ điểm *Những tình huống khôi hài*.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV cho HS xem đoạn video:

<https://www.youtube.com/shorts/L4z4YM7oAw8>

- Yêu cầu HS sau khi xem video trả lời câu hỏi: *Tìm các yếu tố gây cười trong video trên.*

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Bài học *Loài vi trùng quý hiếm* sẽ giúp chúng ta tìm hiểu kĩ hơn về thể loại hài kịch.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những bài trước như dự đoán, suy luận trong quá trình đọc trực tiếp văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  GV yêu cầu HS:  *+ Giới thiệu về tác giả Aziz Nesin*  *+ Nêu xuất xứ của văn bản.*  *+ Tóm tắt lại tác phẩm.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  - A-zít Nê-xin (Aziz Nesin) tên khai sinh là Mehmet Nusret  - Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1915, mất ngày 6 tháng 7 năm 1995)  - Ông sinh tại Heybeliada, Istanbul dưới chế độ đế chế Ottoman năm 1915. Sau khi làm viên chức trong vài năm, ông trở thành người biên tập của một loạt tạp chí trào phúng châm biếm nghiêng về chủ nghĩa xã hội.  - Ông là một nhà văn châm biếm được ngưỡng mộ ở Thổ Nhĩ Kỳ và là tác giả của hơn 100 cuốn sách.  ***2. Tác phẩm***  - Xuất bản trong cuốn Tuổi trẻ cười, số ra ngày 11/9/2019.  - Tóm tắt:  Một vị giáo sư có đầu óc vượt trội trong giới nhãn khoa và khét tiếng nghiêm khắc phát hiện một loài vi trùng quý hiếm trên một bệnh nhân đau mắt. Giáo sư triệu tập tất cả đồng nghiệp và sinh viên đến chiêm ngưỡng thành quả nghiên cứu và nói “loại vi trùng này vào mắt sau bốn tám giờ không chữa trị thì sẽ mù tịt”. Nhưng thứ họ quan tâm lại là con vi trùng quý hiếm kia, chứ không phải anh bệnh nhân nếu không được chữa trị trong hai tư giờ nữa thì sẽ mù hẳn. Cuộc triển lãm diễn ra với sự tấp nập của những nhà khoa học tầm cỡ, giáo sư và đoàn tùy tùng làm việc quên ăn quên ngủ. Khi hỏi đến bệnh nhân, biết tin anh ta hết đầu và mù hẳn thì giáo sư cười rạng rỡ và tự hào với thành quả nghiên cứu của bản thân. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được thể loại của bài thơ.

- Xác định được cách gieo vần, bố cục và mạch cảm xúc trong bài thơ.

- Nhận biết và phân tích các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng.

- Nhận diện và phân tích được ý nghĩa nội dung và nghệ thuật mà tác giả gửi gắm trong bài thơ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  ***- Vòng chuyên gia:*** GV chia HS thành 6 nhóm, phân nhiệm vụ:  **+ Nhóm 1,4:**  (*1) Xác định các nhân vật có trong truyện.*  *(2) Các nhân vật ấy hiện thân cho hạng người nào? Người kể chuyện có thái độ với các nhân vật này như thế nào? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?*  **+ Nhóm 2,5:**  *Theo em, những yếu tố góp phần tạo ra tiếng cười trong văn bản này là gì* (Gợi ý: nhận xét về hình tượng nhân vật, tình huống các thủ pháp, ngôn ngữ trào phúng thể hiện như thế nào? …)?  **+ Nhóm 3,6:**  *Nhận xét về cách đặt nhan đề cho văn bản và cách sử dụng cụm từ “loại vi trùng quý hiếm” trong văn bản.*  ***- Vòng mảnh ghép:*** Sau 3 phút, khi nhóm chuyên gia hoạt động trả lời câu hỏi xong, GV cho HS trong nhóm chuyên gia đếm số và hình thành nhóm ghép, yêu cầu các chuyên gia ở nhóm ghép thực hiện nhiệm vụ của mình.  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Các nhân vật và thái độ của tác giả đối với các nhân vật:**  Nhân vật ông giáo sư và các cộng sự của ông ta hiện thân cho hạng người tự cao, tự mãn, cho rằng mình xuất chúng, giỏi giang, mừng rỡ khi phát hiện ra loại vi trùng quý hiếm mà không quan tâm đến sức khỏe, tính mạng của bệnh nhân.  → Người kể chuyện có thái độ phê phán, châm biếm các nhân vật này qua lời văn, cuộc đối thoại giữa các nhân vật.  **2. Các yếu tố góp phần tạo ra tiếng cười trong truyện:**  - Tình huống trào phúng:  + Nhan đề  + Cụm từ, thuật ngữ quan trọng trong lời nói, ý nghĩ và toàn bộ cách ứng xử của ông giáo sư bác sĩ.  - Hình tượng nhân vật: được vẽ theo lối biếm họa, phóng đại theo một số nét hành vi, lời nói khác thường.  - Ngôn ngữ trào phúng: thủ pháp nói ngược (tài năng, khả kính) để tăng sự chua chát, mặn mà của tiếng cười trào phúng.  **3. Ý nghĩa nhan đề:**  Cách đặt nhan đề cho văn bản và cách sử dụng cụm từ “Loại vi trùng quý hiếm” trong văn bản hoàn toàn nhằm mục đích châm biếm chứ không phải ca ngợi phát minh vĩ đại. Đã là vi trùng gây đau mắt và có thể gây mất thị giác cho người bệnh thì nó là vi trùng có hại. Điều này hoàn toàn là châm biếm vị giáo sư tự mãn này. Việc phát hiện ra con vi trùng khiến ông vui mừng đến nỗi không để tâm việc chữa trị cho bệnh nhân trong khi trọng trách lớn nhất của người bác sĩ là cứu người, những điều nên là thì bác sĩ lại quên. Khi bệnh nhân đã bị mù thì ông ta lại tươi cười rạng rỡ khẳng định mình đã nói đúng về con vi trùng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “*Tập làm Sherlock Homes”,* yêu cầu HS tìm các yếu tố của hài kịch bằng cách gạch chân bằng bút bi/bút dạ vào từ đúng, mỗi đáp án đúng được 0,25đ

- Yêu cầu HS: Hết thời gian, các nhóm đổi kết quả và chấm chéo: 1→ 2→ 3→ 4 → 5 → 6 → 1

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

***B3: Báo cáo, thảo luận***

HS đổi kết quả và chấm chéo, công bố đáp án

***B4: Kết luận, nhận định***

- GV trình chiếu đáp án đúng, các nhóm HS theo dõi và chấm chéo.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| A | N | H | H | A | I | K | I | C | H | M | O | L | I | E | D | I | G | H |
| T | R | I | N | N | O | N | G | G | I | U | O | C | D | A | N | H | D | G |
| L | O | I | C | H | I | D | A | N | S | A | N | K | H | A | U | B | O | P |
| M | Y | T | Y | A | N | K | C | H | X | A | B | C | D | E | G | N | H | I |
| N | N | H | N | N | M | I | A | T | U | V | B | P | I | K | O | H | I | N |
| H | G | O | G | V | B | Y | E | R | N | B | N | L | H | L | P | U | I | S |
| G | H | N | H | A | G | U | R | B | G | G | M | S | G | M | K | L | E | U |
| D | I | G | I | T | H | N | B | D | D | D | K | D | E | N | R | O | R | N |
| S | A | D | A | H | A | N | H | D | O | N | G | H | A | I | K | I | C | H |
| A | T | I | T | A | B | M | A | O | T | I | L | V | I | C | X | P | D | G |
| T | I | E | A | I | C | G | I | K | K | N | N | U | A | Q | R | A | O | I |
| U | E | P | R | K | D | T | L | O | I | T | H | O | A | I | H | Q | A | U |
| A | N | H | K | I | A | L | A | M | C | A | I | C | H | U | C | T | H | U |
| T | G | A | H | C | E | X | H | I | H | T | O | T | N | A | M | T | A | O |
| C | C | A | T | H | U | P | H | A | P | T | R | A | O | P | H | U | N | G |
| C | U | N | G | H | K | L | M | A | Q | C | B | N | X | A | Q | T | R | H |

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Vẽ sơ đồ tư duy phác họa nội dung bài học.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Thực hành tiếng Việt trang 115**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được khái niệm của trợ từ và thán từ.

- Xác định và phân tích được đặc điểm và chức năng của trợ từ và hán từ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Luôn yêu, trân trọng sự giàu đẹp của TV.

- Tự học: khám phá nội dung SGK - liên hệ - trao đổi tìm kiếm sự giúp đỡ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức hoạt động tìm hiểu kiến thức*.*

+ GV cho HS nghe bài hát “*Quê hương*” của Giáp Văn Thạch và trả lời câu hỏi: Trình bày cảm nhận của em sau khi nghe bài hát trên.

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay, Thực hành tiếng Việt trang 115.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được khái niệm của trợ từ và thán từ.

- Xác định và phân tích được đặc điểm và chức năng của trợ từ và hán từ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Trợ từ là gì?*  *+ Thán từ là gì?*  *+ Có những loại trợ từ và thán từ nào?*  *+ S*o sánh sự khác nhau giữa trợ từ và thán từ.  - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng. | **I. Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ**  - Trợ từ là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câu. Ví dụ: những, có, chính, đích, ngay nhỉ, nhé, nha, nghen...  - Trợ tử không có vị trí cố định ở trong câu. - Có thể chia thành hai loại trợ từ:  + Trợ tử nhấn mạnh (những có, chính, mỗi, ngày...): thưởng đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh.  Ví dụ:  Má đưa cho tôi những mười tờ một trăm, bảo mua ngay một chồng và mới.  “Những” trong câu trên là trợ từ, có chức năng nhấn mạnh mức độ về lượng nhiều hơn mức cần có hay mong đợi.  + Trợ từ tình thái (tiểu từ tinh thái) (à, a, nhỉ, nhé, nha, nhen, nghen, đẩy này...) thường đứng ở đầu và cuối câu, có tác dụng tạo kiểu câu nghi vấn, câu khiến, câu cảm thán hoặc thể hiện thái độ đánh giá, tình cảm của người nói.  thản.  *Ví dụ: Bác này lí luận hay nhỉ*  *(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)*  “Nhỉ” trong câu trên là trợ từ tình thái, biểu thị ý mỉa mai, dùng ở cuối câu cảm  Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Có thể chia thành hai loại thân từ  + Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc (a, ả, ô, ôi, ối, chà...): dùng để bộc lộ các trạng thái tình cảm, cảm xúc (vui mừng, ngạc nhiên, đau đớn, sợ hãi...).  Ví dụ:  Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?”.  + Thán từ gọi đáp (ơi, dạ, vâng, i...)  Ví dụ: – Dạ, bẩm đức ông, anh em chúng tôi xin bái tạ ơn người.  *(Nam Cao, Lão Hạc)*  *(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)*  - Thán từ thường đứng đầu câu và có khả năng tách ra tạo thành một câu đặc biệt. Khi sử dụng thán từ, người nói thưởng dùng kèm theo ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt... tương ứng với tình cảm, cảm xúc mà thần từ biểu thị.  **II. Phân biệt trợ từ và thán từ**  **- Trợ từ:**  + Không tách riêng ra thành 1 câu, phải đi kèm với từ khác.  + Nhấn mạnh/ biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc.  **- Thán từ:** *Có thể được tách ra thành một câu đặc biệt.*  *Bộc lộ tình cảm, cảm xúc, gọi đáp.* |
| **\* NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập nhanh  **Câu 1 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Xác định trợ từ và thán từ được sử dụng trong các lời thoại sau:  a. – A! Bác đã tới đấy à? Tôi sắp phát khùng lên vì bác đây.  *(Mô-li-e, Ông Giuốc đanh mặc lễ phục)*  *b. – Vâng, phải bảo chứ. Vì những người quý phải đều mặc như thế cả.*  *(Mô-li-e, Ông Giuốc đanh mặc lễ phục)*  c. – Nhưng mà tôi lo lắm, cậu ạ. Nếu làm không khéo, lộ chuyện ra thì tù mọt gông, chứ chẳng chơi đâu.  (Vũ Đình Long, Cái chúc thư)  **Câu 2 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Tìm thán từ trong các câu sau, giải thích nghĩa và nếu chức năng của chúng  *a. – Ở này! Vào đây, các chủ.*  (Mô-li-e, Ông Giuốc đanh mặc lễ phục)  *b. – “Cụ lớn”, ồ, ồ, cụ lớn!*  (Mô-li-e, Ông Giuốc đanh mặc lễ phục)  d.- Ô kìa, bác phó! Vải này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi.  (Mô-li-e, Ông Giuốc đanh mặc lễ phục)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trình bày sản phẩm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **Trả lời:**  **Câu 1 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  a, Thán từ: A  b, Trợ từ: những  c, Thán từ: Nhưng, chứ  **Câu 2 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Thán từ: Ớ này, ồ, ồ, Ô kìa  **- Giải thích nghĩa: là từ chỉ cảm xúc bất ngờ.**  **- Chức năng:** để bộc lộ cảm xúc, sự bất ngờ và dùng để gọi đáp. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  **Câu 3 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Trong các cặp câu a1 – a2; b1 – b2, dưới đây, những tử in đậm nào là trợ tử? Căn cứ vào đâu để em khẳng định như vậy?  *a1. Tôi đau đớn quả! Tôi chết mất thôi.*  *(Vũ Đình Long, Cải chúc thư)*  *a2. Tôi đi từ nhà đến trường mất hơn nửa giờ.*  (Nhóm biên soạn)  *b1. Cải tội giả mạo chữ kỉ là một trọng tội, tôi run lắm kia, cậu ạ.*  (Vũ Đình Long, Cái chúc thư)  *b2. Người ấy chỉ tay ra xa và nói: “Ông ta đang gặt lúa ở cánh đồng kia”.*  (Truyện dân gian Việt Nam)  **Câu 4 (trang 116 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Các câu sau sử dụng những trợ từ nào? Hãy giải thích nghĩa và nêu chức năng của chúng.  *a. Một tên đầy tớ mà bác cho nhiều thế ư?*  *(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)*  *b. Bệnh nhân mới à? Anh ta làm sao?*  *(A-zit Nê-xin, Loại vi trùng quý hiểm)*  *c. Bầm, đúng ạ!*  *(Mô-li-e, Ông Giuốc đanh mặc lễ phục)*  d. Ngài và đoàn tuỳ tùng của ngài làm việc đến quên ăn quên ngủ để duy trì sự sống cho nó.  *(A-zit Nê-xin, Loại vi trùng quý hiếm)*  **Câu 5 (trang 116 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Đặt hai câu có sử dụng thán từ và hai câu có sử dụng trợ từ.  **Câu 6 (trang 116 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Trong câu 7 (Suy ngẫm và phản hồi – Văn bản 2), khi cùng với bạn nhập vai và thể hiện lời thoại của các nhân vật trong văn bản Cái chúc thư, các em đã sử dụng những trợ từ và thần tử nào? Nêu chức năng của các trợ tử, thán tử đó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  - GV củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS. | **Trả lời:**  **Câu 3 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Từ “mất” trong câu a1 và từ “kia” trong câu b1 là trợ từ  - Căn cứ: vì nó bổ sung nghĩa cho từ chết và từ lắm, nếu không có hai từ này thì câu vẫn được giữ nguyên.  **Câu 4 (trang 116 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Các trợ từ được sử dụng:  a, ư  b, à  c, ạ  d, đến  = > Các trợ từ được sử dụng có tác dụng bổ ngĩa cho các danh từ, giúp mang lại hiệu quả truyền đạt thông tin và nhấn mạnh chủ đề được nhắc đến  **Câu 5 (trang 116 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Thán từ:  + Ôi bông hoa này đẹp quá!  + Trời ơi, bức tranh này mới đẹp làm sao!  - Trợ từ:  + Người học giỏi môn Văn nhất lớp là bạn Hào  + Anh tớ là bác sĩ.  **Câu 6 (trang 116 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - HS xem và nhớ lại văn bản sau đó thực hiện yêu cầu của đề bài. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

**Câu hỏi 1.** Vẽ sơ đồ tư duy về trợ từ, thán từ.

**Câu hỏi 2.** Tham gia trò chơi “Khỉ con tranh tài” để củng cố kiến thức về trợ từ, thán từ.

a. Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau“Mặc dầu non 1 năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.”

= >Trợ từ lấy có ý nghĩa nhấn mạnh sự việc

b. Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau “Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách nặng quá: nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu…cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc.”

=> nguyên: Chỉ có đến như thế, không có thêm gì khác (Chỉ tính tiền thách cưới đã quá nặng.)

=> đến: Ý nhấn mạnh mức độ cao 🡪 Ngạc nhiên

c. Thán từ in đậm trong câu sau đây bộc lộ cảm xúc gì:“Lũ chuột bò lên chạn, leo lên bác Nồi Đồng. Năm sáu thằng xúm lại húc mõm vào, cố mãi mới lật được cái vung nồi ra. “Ha ha! Cơm nguội! Lại có một bát cá kho! Cá rô kho khế: vừa dừ vừa thơm. Chít chít, anh em ơi, lại đánh chén đi thôi!”.

= >> Ha ha: bộc lộ sự sảng khoái, sung sướng trước những phát hiện thú vị

d. Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau “Tính ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi, ông giáo ạ!”

=> Cả: Có ý nhấn mạnh về mức độ cao, phạm vi không hạn chế

e. Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau“Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám / Tựa nhau trông xuống thế gian cười”

= > Cứ: Biểu thị ý khẳng định về hoạt đông, trạng thái nhất định như thể bất chấp mọi điều kiện. Nhấn mạnh 1 việc lặp đi lặp lại

f. Các thán từ in đậm trong những câu sau đây bộc lộ cảm xúc gì: “Bác Nồi Đồng run như cầy sấy: “Bùng boong. Ái ái! Lạy các cậu, các ông, ăn thì ăn, nhưng đừng đánh đổ tôi xuống đất. Cái chạn cao thế này, tôi ngã xuống không vỡ cũng bẹp, chết mất!”.

= >> Ái ái: tiếng thốt lên khi bị đau đột ngột (sự sợ hãi)

g. Thán từ in đậm trong câu sau đây bộc lộ cảm xúc gì: “Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi,… toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương….”

=> Chao ôi: Than thở vì bất lực.

**Câu hỏi 3.** Trong những từ in đậm ở các câu sau, từ nào không phải là trợ từ?

A. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì **chính** lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

B. **Chính** lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp.

C. Xe kia rồi! Lại **cả** ông Toàn quyền đây rồi!

D. **Những** người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế.

= > câu D

- HS nhận nhiệm vụ.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Thuyền trưởng tàu viễn dương**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận diện được một số yếu tố của hài kịch: *xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…*

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi*: Em hiểu bệnh sĩ là gì? Theo em, bệnh sĩ có tác hại gì?*

Gợi ý đáp án:

+ Là thói thích phô trương, khoe khoang, chuộng hình thức, cố tình che giấu sự sơ sài, nghèo nàn của mình (cả về vật chất lẫn tinh thần), tỏ ra mình giàu có, sang trọng, giỏi giang, nhiều thế mạnh nổi trội hơn người.

+ Bệnh sĩ làm cho nhiều người không dám sống thật với mình, trở nên dối trá, thậm chí lừa bịp.

- HS nhận nhiệm vụ và trả lời câu hỏi.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Bài học *Thuyền trưởng tàu viễn dương* sẽ giúp chúng ta tìm hiểu kĩ hơn về thể loại hài kịch.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những bài trước như dự đoán, suy luận trong quá trình đọc trực tiếp văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  GV yêu cầu HS:  *+ Giới thiệu về tác giả Lưu Quang Vũ.*  *+ Nêu xuất xứ của văn bản.*  *+ Tóm tắt lại tác phẩm.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  **\* Cuộc đời:**  - Lưu Quang Vũ (1948 – 1988), ông sinh ra ở Phú Thọ, là con trai của nhà viết kịch Lưu Quang Thuận.  - Năm 1954, gia đình ông chuyển về sống tại Hà Nội.  - Năm 1965 đến 1970, ông nhập ngũ và gia nhập Quân chủng phòng không – không quân.  - Năm 1970 – 1978, ông xuất ngũ là làm nhiều nghề để kiếm sống: làm ở Xưởng Cao su Đường sắt do Tạ Đình Đề làm Giám đốc, làm hợp đồng cho nhà xuất bản Giải phóng, chấm công trong một đội cầu đường, vẽ pa-nô, áp phích...  - Năm 1978 – 1988, ông làm biên tập viên “Tạp chí sân khấu”.  - Giữa lúc tài năng đang vào độ chín, Lưu Quang Vũ qua đời trong một tai nạn ô tô trên quốc lộ số 5 tại Hải Dương, cùng với người bạn đời là nhà thơ Xuân Quỳnh và con trai Lưu Quỳnh Thơ.  **\* Sự nghiệp văn học**  *a. Tác phẩm chính*  - Ông để lại di sản văn học đồ sộ gồm kịch, thơ và tiểu luận, với các tác phẩm như *Hồn Trương Ba, da hàng thịt, Hương cây, Tôi và chúng ta, Sống mãi tuổi 17, Nàng Xita, Ngọc Hân công chúa...*  → Các tác phẩm của ông đã để lại một dấu ấn đáng kể trong lòng công chúng.  - Các vở kịch, truyện ngắn, thơ của Lưu Quang Vũ giàu tính hiện thực và nhân văn cũng như in đậm dấu ấn của từng giai đoạn trong cuộc sống của ông  *b. Phong cách nghệ thuật*  - Kịch của Lưu Quang Vũ thể hiện nhiều cách tân độc đáo; quan tâm thể hiện xung đột trong cách sống và quan niệm sống, bày tỏ khát vọng hoàn thiện nhân cách con người.  **\* Vị trí và tầm ảnh hưởng**  - Lưu Quang Vũ là hiện tượng đặc biệt của sân khấu kịch trường những năm tám mươi của thế kỉ XX, và cũng là nhà soạn kịch tài năng nhất của văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại.  - Ông được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về nghệ thuật sân khấu năm 2000.  ***2. Tác phẩm***  - Xuất xứ:trích cảnh VI vở kịch 6 cảnh “Bệnh sĩ” của Lưu Quang Vũ. - Thể loại: hài kịch  - Tóm tắt:  Vì háo danh muốn “thay trời đổi đất, sắp đặt giang sơn”, ông Toàn Nha – chủ tịch xã kiêm chủ nhiệm hợp tác xã Cà Hạ muốn tiến hành một loạt “cải cách” như: đổi tên cho xã, đổi tên các phòng, ban dưới quyền mình, lấy sản xuất pháo nổ, thu mua lông vịt xuất khẩu… làm trọng điểm phát triển kinh tế xã; coi trọng việc báo cáo, tuyên truyền về thành tích trong các hội nghị, lễ tổng kết hơn phát triển thực lực của địa phương. Hưng vì yêu Nhàn, con gái của ông Toàn Nha nên đã nghe theo lời khuyên của chú giả làm thuyền trưởng tàu viễn dương nhằm ra oai và để được chấp nhận làm con rể. Tuy nhiên giữa chừng vì tự trọng nên đã bỏ dở và định lái tàu bỏ trốn. Điều không hay là do thuốc pháo không được bảo quản đúng cách nên một vụ cháy nổ lớn xảy ra tại trụ sở Uỷ ban xã, nhiều người bỏng nặng, phải đi cấp cứu bằng đường sông trên chiếc tàu chở phân đạm của Hưng, ông Toàn Nha thì vẫn mơ màng hãnh diện nghĩ rằng đang trên tàu viễn dương do chàng rể tương lai điều khiển. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch: *xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…*

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 3 nhóm  - GV chia nhiệm vụ:  **+ Nhóm 1:** Phiếu học tập số 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu tìm hiểu nhân vật ông Toàn Nha** | | | | **Ảo tưởng của ông** | **Lời thoại thể hiện** | **Thực tế** | | *………………*  *………………* | *………………*  *………………* | *…………..*  *…………..* | | ***Nhận xét về nhân vật:***  *………………………………………………….*  *………………………………………………….* | | |   **+ Nhóm 2:** Phiếu học tập số 2   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Lời thoại** | **Lời chỉ dẫn sân khấu** | | Tiến | ……………….  ………………. | ……………….  ………………. | | Xoan | ……………….  ………………. | ……………….  ………………. | | Ông Toàn Nha | ……………….  ………………. | ……………….  ………………. |   **+ Nhóm 3:** Phiếu học tập số 3   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các bên** | **Các hành động làm nảy sinh xung đột** | **Các hành động giải quyết xung đột** | | Tiến, Hưng – Xoan, Nhàn | ……………….  ……………….  ……………….  ……………….  ………………. | ……………….  ……………….  ……………….  ……………….  ………………. |   - HS nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Nhân vật, ngôn ngữ và xung đột hài kịch**  **a. Nhân vật hài kịch**  **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu tìm hiểu nhân vật ông Toàn Nha** | | | | **Ảo tưởng của ông** | **Lời thoại thể hiện** | **Thực tế** | | - Sung sướng, hãnh diện khi nghĩ đang được đồng chí thuyền trưởng tàu viễn dương tự lái con tàu ông đưa đi cấp cứu.  - Lễ rước đuốc mừng công thắng lợi lớn. | - Đúng lắm! Phải thế! Rất tốt! Toàn Nha này đã không đi thì thôi, đã đi thì phải…  - Chúng ta vẫn thắng lợi lớn! Rất lớn!... Tiến lên! các đồng chí! Hùng Tâm ta tiến lên! | - Ngồi trên một con tàu chờ phân đạm của một người lái tàu đường sông.  - Buổi lễ đã thất bại bi đát. Kho pháo bị nổ, bản thân bị bỏng nặng phải đưa đi cấp cứu. | | ***Nhận xét về nhân vật:*** Ông Toàn Nha là hiện thân sinh động trước những người mắc “bệnh sĩ” rất nặng nề. Từ đó làm bật lên tiếng cười mang tính chất khôi hài. | | |   **Phiếu học tập số 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Lời thoại** | **Lời chỉ dẫn sân khấu** | | Tiến | - Điên à ? Trời rét thế này ! Xem nào. Mình sẽ trao đổi rất ngắn gọn rồi tìm cách đẩy họ rời khỏi tàu ngay. Họ sẽ bận bốc dỡ dưới mấy xà lan kia… còn cậu… chui vào, không ngạt đâu, có mấy khe đủ thở. Nằm ừ im. Mình sẽ đẩy họ rời khỏi đây ngay. Nhanh thôi. Nhưng cậu phải nằm im đấy ! Chui vào nhanh lên ! | … (suy nghĩ) …  … (chỉ vào một thùng gỗ to, ở ngoài có vẽ hình cái ô và cái cốc) …  (Đẩy Hưng chui vào hòm, đóng nắp lại, Nhàn và Xoan xuất hiện.) | | Xoan | - Ối chị ơi! Có tiếng gì trong cái hòm này … như tiếng thở ấy… Eo ơi! | … (giật mình) …  … (vội nhảy khỏi cái cái hòm) … | | Ông Toàn Nha | - Chúng ta vẫn thắng lợi lớn! Rất lớn! Nổ máy! Mục tiêu bệnh viện huyện! Tiến lên! Các đồng chí! Hùng Tâm ta tiến lên! | …(cố ngồi dậy nửa nằm nửa quỳ vung tay)…  …(ngã gục)… |   **Phiếu học tập số 3**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các bên** | **Các hành động làm nảy sinh xung đột** | **Các hành động giải quyết xung đột** | | Tiến, Hưng – Xoan, Nhàn | - Tiến, Hưng: Tiến bày cho Hưng tránh mặt Nhàn, Xoan bằng cách chui vào thùng và nói dối là “thuyền trưởng đi vắng”. Núp trong thùng Hưng vô tình tạo ra tiếng động…  - Xan, Nhàn tỏ ý ngờ vực, sốt ruột: phát hiện tiếng động nghe tiếng giải thích (nói dối) là tiếng chuột chạy, Xoan tỏ sự sốt sắng muốn tìm cách tiêu diệt chuột. | Tiến, Hưng  - Hưng vẫn núp trong thùng Tiến tìm lời chống chế Xoan, Nhàn  - Xoan muốn ném cái thùng gỗ xuống sông để nhấn chết con chuột; Tiến lại tìm cách chống chế để cứu nguy cho Hưng; Nhàn cho rằng đó là lòng “nhân đạo” rất lạ lùng.. Giữa lúc đó thì có tiếng nổ và tiếng kêu cứu Hưng buộc phải chui ra. | |
| **\* NV 2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *1. Xác định chủ đề văn bản?*  *2. Phân tích một trong những thủ pháp trào phúng mà em cho là hiệu quả rõ rệt trong việc thể hiện chủ đề?*  - HS nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **2. Chủ đề văn bản và thủ pháp trào phúng**  ***a. Chủ đề văn bản***  - Thói sống háo danh, mắc bệnh sĩ để rồi hại đến bản thân mà vẫn không biết sai.  **b. Thủ pháp trào phúng**  - Nhà văn sử dụng câu từ mỉa mai, lối nói châm biếm và xây dựng các tình huống truyện xung đột để khắc họa rõ nét tính cách các nhân vật.  **- VD:** Háo danh, sĩ, cứ phải viễn dương cơ, biển cơ. Không phải cái thói háo danh của các vị thì làm gì có những việc rắc rối. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

*Gv tổ chức trò chơi để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.*

1. Ai là tác giả của vở hài kịch “Bệnh sĩ”?

A. Lưu Minh Vũ

B. Lê Quang Vũ

C. Lê Minh Vũ

**D. Lưu Quang Vũ**

2. Đoạn trích “Thuyền trưởng tàu viễn dương” được trích từ cảnh thứ mấy vở hài kịch “Bệnh sĩ”?

A. Cảnh II

**B. Cảnh VI**

C. Cảnh V

D. Cảnh IV

3. Ai nhà nhân vật đại diện cho căn bệnh sĩ trong tác phẩm?

A. Nhàn

B. Hưng

**C. Ông Toàn Nha**

4. Cuối đoạn trích, ông Toàn Nha bị thương nặng do bệnh sĩ của mình gây ra nhưng ông có nhận ra sai lầm hay không?

A. Có

**B. Không**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS tham gia trò chơi

**Bước 3: Báo cáo/ thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

**Bước 4: *Kết luận/ Nhận định***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Vẽ sơ đồ tư duy phác họa nội dung bài học.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Viết** **văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận diện và viết được văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm;

- Xác định được các yêu cầu đối với văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.

- HS viết được văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*:*Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học bài *Viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được khái niệm, các yêu cầu của văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *Gv yêu cầu HS, dựa vào SGK nêu khái niệm và yêu cầu đối với văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Khái niệm***  *-* **Văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống** là kiểu văn bản thông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng của người viết; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét, giải quyết một vấn để của đời sống thuộc thẩm quyền của họ.  ***2.Yêu cầu đối với văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống***  *a. Yêu cầu về nội dung*  + Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về thời gian, địa điểm, tên tố chức hoác cá nhân nhận kiến nghị; thông tin vể người viết kiến nghị; lí do, nội dung kiến nghị.  *+* Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc  *b. Yêu cầu về hình thức*: bố cục 3 phần  - Phần mở đầu  - Phần nội dung  - Phần kết thúc |
| **\* NV 2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát ví dụ SGK/trang 125-126 và trả lời các câu hỏi:  + Văn bản đã đáp ứng được những yêu cầu nào về hình thức (bố cục, cách trình bày thông tin trong từng phần...) của một văn bản kiến nghị?  +  Liệt kê các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của văn bản kiến nghị.  + Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị là gì? Nêu một số bằng chứng cho thấy nội dung kiến nghị đã được trình bày rõ ràng.  + Xác định những nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc bản kiến nghị.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Phân tích kiểu văn bản**  **1. Hình thức**  - Bố cục  Văn bản đủ ba phần mờ đầu, nội dung, kết thúc.  - Cách trình bày thông tin cũng đúng theo bố cục từng phần.  **2. Phần mở đầu**  Các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của văn bản kiến nghị:  - Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị của người viết ( nếu có): Trình bày sát lề trái của văn bản.  - Số kí hiệu văn bản ( nếu có): trình bày sát lề trái của văn bản.  - Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên văn bản kiến nghị, cụm từ tóm tắt nội dung vấn đề kiến nghị, tên cá nhân tổ chức tiếp nhận và giải quyết kiến nghị.  - Ghi rõ tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết về cá nhân, tổ chức làm văn bản kiến nghị.  **3. Phần nội dung**  - Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị là:  + Tiếng ồn ảnh hưởng đến sinh hoạt học tập của học sinh  + Có kẻ xấu lợi dụng sơ hỏe để lấy cắp đồ đạc hoặc có hành vi thiếu đúng đắn với nữ sinh.  + Nhiều bóng điện bị hư hỏng  - Phần nội dung đã nêu rõ các nội dung kiến nghị và đề xuất giải pháp cho từng đề nghị.  **4. Phần kết thúc**  Các nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc là:  - Lời cảm ơn  - Kí tên người đại diện làm kiến nghị. |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn quy trình viết**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc kĩ Hướng dẫn quy trình viết trong SGK/126-129.  - Hướng dẫn HS làm bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **III. Thực hành**  **\* Đề bài:** Giả sử em được tập thể lớp giao nhiệm vụ kiến nghị với Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức một hoạt động ngoại khóa để nâng cao kỹ năng sống cho học sinh hoặc có giải pháp xây dựng môi trường học tập tốt hơn. Hãy thay mặt lớp viết bản kiến nghị đó.  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  • Đối với để bảo nảy, nội dung kiến nghị có thể là  - Mở lớp học bơi nhân dịp nghỉ hè.  - Bổ sung nguồn sách tham khảo của thư viện.  - Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho một môn học.  - Các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trước cổng trường vào giờ tan học.  - …  Lưu ý: Bản kiến nghị sẽ ý nghĩa hơn nếu em chọn được những vấn đề thiết thực, đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi, rèn luyện của học sinh.  • Để bài viết đạt hiệu quả giao tiếp, trước khi viết, em xác định  - Mục đích viết bản kiến nghị nảy là gì?  - Cả nhân hoặc tổ chức nào có trách nhiệm nhận và giải quyết kiến nghị  - Với mục đích, đối tượng đó, nội dung và cách viết sẽ như thế nào?  • Tìm tư liệu liên quan đến bản kiến nghị bằng một số cách sau  – Tìm tài liệu liên quan đến yêu cầu về đặc điểm và hướng dẫn viết bản kiến nghị trong sách hoặc Internet.  – Đọc lại phần Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản để học cách viết bản kiến nghị. – Ghi chép ý kiến của các bạn trong buổi họp lớp về vấn đề dự định kiến nghị, những để xuất liên quan. Nếu vấn đề kiến nghị là của nhiều thành viên trong lớp, em cần thu thập đủ chữ kí của các bạn.  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  • Để hình thành ý tưởng cho bài viết, em trả lời các câu hỏi sau  – Trưởng hoặc lớp em đang tồn tại vấn đề gì có thể gây bất tiện, bất lợi cho học sinh hoặc những vấn để có thể điểu chỉnh, thay đổi để tạo môi trường học tập, vui chơi tốt hơn cho học sinh?  – Nội dung cụ thể của vấn đề cần kiến nghị là gì?  - Những giải pháp nào có thể giải quyết vấn đề đó?  – Người hoặc tổ chức nào có thẩm quyền giải quyết?  – Có cẩn và có thể thu thập thông tin gì liên quan đến nội dung cần kiến nghị (ví dụ: ý kiến của học sinh, hình ảnh làm bằng chứng...) hay không?  • Sắp xếp các ý đã tìm theo trình tự bố cục của văn bản:  – Phần mở đầu: tên cơ quan, tổ chức (nếu có), quốc hiệu, tiêu ngữ, địa điểm và thời gian viết kiến nghị; tên văn bản và tóm lược sự việc kiến nghị, người/ tổ chức nhận, thông tin cơ bản về người viết (lý: nếu người viết đại diện cho ý kiến của tập thể, cần ghi rõ người viết được tập thể uỷ quyền).  – Phần nội dung: lý do kiến nghị, nội dung kiến nghị, đề xuất các hướng giải pháp liên quan đến vấn đề kiến nghị (nếu có).  - Phần kết thúc: lời cảm ơn, chữ ký và họ tên người viết kiến nghị.  **Bước 3: Viết bài**  Khi viết em cần:  - Trình bày cụ thể nội dung cần kiến nghị.  - Ghi đúng người nhận kiến nghị (cá nhân hoặc cấp thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết)  - Chỉ nêu các nội dung, phản ánh, đề xuất có căn cứ thực hiện và mang tính khả thi trong việc giải quyết khắc phục…  - Chỉ nêu các nội dung, phản ánh, đề xuất có căn cứ thực tế và mang tính khả thi trong việc giải quyết khắc phục…  **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  - Dùng bảng kiểm bên dưới để kiểm tra chất lượng bài viết:  Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản kiến nghị về vấn đề của đời sống   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Bố cục | Đủ 3 phần: mở đầu, nội dung kiến nghị, kết thúc. |  |  | | Phần mở đầu | Tên cơ quan chủ quản, quốc hiệu: viết in hoa, ở trên cùng văn bản. |  |  | | Tiêu ngữ: viết chữ thường, cách giữ, dưới quốc hiệu, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối (-) |  |  | | Điạ điểm, thời gian viết văn bản: đặt dưới quốc hiệu, tiêu ngữ và lùi sang bên phải văn bản. |  |  | | Tên văn bản: viết chữ in hoa, cỡ chữ lớn hơn các chữ khác trong văn bản, ở giữa văn bản. |  |  | | Dòng tóm tắt nội dung kiến nghị: viết chữ thường, đặt dưới tên văn bản, đặt ở giữa văn bản. |  |  | | Trình bày đầy đủ thông tin về người nhận/ tổ chức nhận. |  |  | | Trình bày tóm tắt các thông tin về người kiến nghị. |  |  | | Phần nội dung | Trình bày rõ lí do kiến nghị. |  |  | | Trình bày chính xác, rõ ràng nội dung cần kiến nghị. |  |  | | Đề xuất hướng giải quyết hợp lí |  |  | | Phần kết thúc | Khẳng định lại lí do kiến nghị hoặc cam đoan những nội dung kiến nghị là đúng sự thật. |  |  | | Có lời cảm ơn. |  |  | | Có chữ kí và họ tên của người viết. |  |  | | Diễn đạt | Ngôn ngữ của văn bản chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu. |  |  |   - Bổ sung những nội dung còn thiếu và sửa các lỗi chính tả, diễn đạt.  - Nêu một số điểm cần lưu ý khi viết bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *Phân tích văn bản: Bản kiến nghị: Về việc tạo không gian yên tĩnh, thuận lợi cho sinh hoạt, học tập.*  **Câu 1 (trang 126 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Văn bản đã đáp ứng được những yêu cầu nào về hình thức (bố cục, cách trình bày thông tin từng phần…) của một bản kiến nghị?  **Câu 2 (trang 126 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Liệt kê các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của bản kiến nghị.  **Câu 3 (trang 126 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị là gì? Nêu một số bằng chứng cho thấy nội dung kiến nghị đã được trình bày rõ ràng.  **Câu 4 (trang 126 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Xác định những nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc bản kiến nghị.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | ***4. Phân tích văn bản***  ***Bản kiến nghị: Về việc tạo không gian yên tĩnh, thuận lợi cho sinh hoạt, học tập.***  **Câu 1 (trang 126 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Văn bản đáp ứng đủ ba phần: mở đầu, kết thúc, nội dung.  - Cách trình bày thông tin cũng đúng theo bố cục từng phần.  **Câu 2 (trang 126 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo)**  Các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của văn bản kiến nghị:  - Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị của người viết (nếu có): Trình bày sát lề trái của văn bản.  - Số kí hiệu văn bản (nếu có): trình bày sát lề trái của văn bản.  - Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên văn bản kiến nghị, cụm từ tóm tắt nội dung vấn đề kiến nghị, tên cá nhân tổ chức tiếp nhận và giải quyết kiến nghị.  - Ghi rõ tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết về cá nhân, tổ chức làm văn bản kiến nghị.  **Câu 3 (trang 126 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị là:  + Tiếng ồn ảnh hưởng đến sinh hoạt học tập của học sinh  + Có kẻ xấu lợi dụng sơ hỏe để lấy cắp đồ đạc hoặc có hành vi thiếu đúng đắn với nữ sinh.  + Nhiều bóng điện bị hư hỏng  - Phần nội dung đã nêu rõ các nội dung kiến nghị và đề xuất giải pháp cho từng đề nghị  **Câu 4 (trang 126 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Các nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc là:  - Lời cảm ơn  - Kí tên người đại diện làm kiến nghị |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV đặt câu hỏi:Viết Bản kiến nghị: Về việc tạo không gian xanh, sạch, đẹp cho công viên của địa phương.

- HS nhận nhiệm vụ.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội, nêu rõ ý kiến và các luận điểm sử dụng lý lẽ và bằng chứng thuyết phục

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đưa ra các từ khóa: ham danh, sính ngoại, lừa đảo, sĩ diện,….

yêu cầu HS ghi lại 3 từ khóa em ấn tượng vào giấy note sau đó nộp lại cho GV - GV lựa chọn 3 từ khóa được ghi nhiều nhất đặt câu hỏi: ***Theo em các từ khóa này nói về vấn đề nào trong xã hội của chúng ta ngày nay?***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Xác định các bước trình bày bài nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi nghe

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định nội dung nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nghe và trình bày.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **Buớc 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói**  - Các văn bản hài kịch mà em đã học gợi ra một số vấn đề xã hội rất sâu sắc, những vấn đề đó không chỉ ở trong quá khứ mà vẫn tồn tại trong xã hội hiện nay. Hãy chọn một vấn đề mà em quan tâm để trình bày ý kiến của mình  - Các vấn đề đó có thể là:  + Thói háo danh, học đòi làm sang.  + Bệnh sĩ diện.  + Thói lửa gạt  + Thói sinh ngoại.  - Để tăng hiệu quả giao tiếp, em xác định mục đích trình bày; những vấn đề mà người nghe quan tâm; thời lượng bài trình bày. Từ đó, xác định nội dung và cách trình bày phù hợp.  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  Để tìm ý cho bài nói em hãy trả lời một số câu hỏi:  - Ý kiến của em về hiện tượng này là gi? Vì sao em có ý kiến như vậy? Những bằng chứng nào sẽ giúp củng cố cho lí lẽ của em?  - Có thể tìm kiếm, thu thập các câu chuyện, hình ảnh video clip nào liên quan đến bài nói để làm bằng chứng cho nhận định của mình?  - Từ những ý đã phác thảo, chọn những ý tiêu biểu để lập dàn ý (tham khảo cách làm ở bài Sự sống thiêng liêng)  **Bước 3: Luyện tập và trình bày**  Sử dụng những kĩ năng đã học ở bài Sự sống thiêng liêng để tự luyện tập.  **Bước 4: Trao đổi và đánh giá**  - Cần có thái độ cầu thị, lắng nghe, hoà nhã khi trả lời những câu hỏi, ý kiến phản biện  Lưu ý: cùng một vấn đề mỗi người có thể có cách tiếp cận riêng, có cách lí giải khác nhau và cần được tôn trọng |

**Hoạt động 2: Xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày**

**a. Mục tiêu:** Xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIÊN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm mà GV đã chia để thống nhất các tiêu chí đánh giá **kĩ năng trình bày**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe và tóm tắt nội dung.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Các tiêu chí đánh giá**  Xem ở bảng kiểm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS vận dụng bài tập;

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Ôn tập**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Kiến thức về thể loại hài kịch *(nhân vật, hành động, xung đột, lời thoại…)*

- Kiến thức về tiếng Việt: đặc điểm và chức năng của trợ từ và thán từ.

**2. Về năng lực:**

- Trình bày được phần chuẩn bị cho các nội dung ôn tập đã thực hiện ở nhà.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**3. Về phẩm chất:**

- Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung các bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

- HS trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

**d) Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS nêu nhiệm vụ của tiết ôn tập, báo cáo phần chuẩn bị bài ở nhà.

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ

***B3: Báo cáo, thảo luận***

1-2 HS trả lời câu hỏi, nhóm trưởng báo cáo phần chuẩn bị bài ở nhà của các thành viên trong nhóm.

***B4: Kết luận, nhận định (GV)***

- Nhận xét (hoạt động trò chơi của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động ôn tập.

- Viết tên bài học, nêu mục tiêu chung của bài học và chuyển dẫn tri thức Ngữ văn.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  Hoàn thành bảng danh sách các kiến thức đã học ở bài 1.  - Trình bày căn cứ để xác định chủ đề của một văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức chuyển sang hoàn thiện phiếu học tập số 2.  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **1. Căn cứ để xác định chủ đề**  - Chủ đề là vấn đề chính mà tác phẩm muốn nêu lên qua một hiện tượng đời sống.  - Để xác định chủ đề của tác phẩm văn học, cẩn dựa trên nhiều yếu tố như: nhan đề, hệ thống các chi tiết và mối quan hệ giữa chúng trong tác phẩm; giọng điệu, ngôn tử, thái độ, tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình (trong tác phẩm thơ), cách xây dựng nhân vật, cốt truyện, sử dụng tình huống, hành động, xung đột... (trong tác phẩm truyện và tác phẩm kịch). |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - Trình bày các bước để viết văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **2. Kiểu bài viết**  - Viết văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  **Gv tổ chức cho Hs hoạt động cá nhân**  Nhắc lại những nội dung mà em đã thực hành trong bài nói và nghe.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thành câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **3. Những nội dung đã thực hành nói và nghe**  - Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội. |

**C.  HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**- GV** tổ chức cho HS tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**- HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 1 (trang 130 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Nêu và giải thích đặc điểm chính của hải kịch. Minh hoạ một trong những đặc điểm ấy bằng các dẫn chứng rút ra từ một trong ba văn bản hài kịch đã học.  **Câu 2 (trang 130 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Nêu chủ đề, thủ pháp gây cười được sử dụng trong ba văn bản Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục, Cái chúc thư, "Thuyền trưởng tàu viễn dương”.  **Câu 3 (trang 130 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Đặt một câu có sử dụng trợ từ, thán từ lấy đề tải từ các văn bản hài kịch đã học. Xác định trợ từ, thán từ và nêu tác dụng của chúng.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội. | **3. Luyện tập**  **Câu 1:**  \* Các đặc điểm chính của hài kịch:  - Nhân vật của hài kịch là đối tượng của tiếng cười, gồm những người hiện thân cho các thói tật xấu hay những gì thấp kém trong xã hội.  - Hành động trong hài kịch là toàn bộ hoạt động cúa các nhân vật (bao gồm lời thoại, điệu bộ, cử chỉ... ) tạo nên nội dung của tác phẩm hài kịch.  - Xung đột kịch thường này sinh đựa trên sự di lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thế lực.  - Lời chỉ dẫn sân khấu là những lời chú thích ngắn gọn của tác giá biên kịch (thường để trong ngoặc đơn) nhằm hướng dẫn, gợi ý vẻ cách bài trí, xử lí âm thanh, ánh sáng…  \* Ví dụ minh họa:  Trong văn bản Thuyền trưởng tàu viễn dương  - Trong đoạn trích có sự mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt: Ông Nha vẽ ra một viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển, giàu mạnh nhưng thực tế thì những gì ông làm đề đẩy người dân vào sự nghèo khó.  - Nhân vật trong đoạn trích có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động khiến việc làm trở nên lố bịch hài hước: Anh Hưng là người lái tàu chở phân được ông nha kêu giả làm thuyền trưởng tàu viễn dương...  - Đoạn trích chủ yếu toàn là lời thoại giữa các nhân vật với nhau. Lời thoại bộc lộ được đặc điểm, tính cách, có yếu tố hài hước, gây cười.  - Sử dụng thủ pháp trào phúng, phóng đại: Ông Nha vẽ lên những viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển khoa học, giàu mạnh những thực tế nhưng thực tế chỉ là những lời nói xáo rỗng, giả dối, lố bịch.  **Câu 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Chủ đề** | **Thủ pháp gây cười** | | Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục | Khắc họa tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang. | Tác giả xây dựng hình tượng nhân vật hài kịch bất hủ khi tạo ra sự khập khiễng bất hòa giữa cái ngu dốt, ngớ ngẩn với giấc mộng học đòi làm sang. | | Cái chúc thư | Khắc họa tính cách tham lam của những con người hám của, hám vật chất vì tiền mà có thể làm tất cả. | Sự tham lam nhưng sợ sệt của những con người hám tiền gây tiếng cười cho độc giả. | | Thuyền trưởng tàu viễn dương | Khắc họa một người kém hiểu biết nhưng lại mắc bệnh sĩ. | Từ bệnh sĩ muốn tạo danh tiếng mà bắt người khác đóng giả, thực hiện các việc ngoài tầm thực hiện mà lại thất bại. |   **Câu 3:**  - Ôi trời, bông hoa ai trồng mà đẹp thế không biết?  Trong đó:  + thán từ là ôi trời  + trợ từ là không |

**D.  HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**- GV** tổ chức cho HS tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**- HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 4 (trang 130 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Theo em, vì sao khi viết một văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống, người viết không được để thiếu bất kì phần nào trong các phần: phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc?  **Câu 5 (trang 130 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Em rút ra được lưu ý gì khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội?  **Câu 6 (trang 130 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của con người?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội. | **III. Luyện tập**  **Câu 4:**  Vì các phần đều có vai trò riêng của mình, nếu thiếu một phần thì sẽ bị thiếu thông tin dẫn đến văn bản thiếu nội dung và sự chính xác.  **Câu 5:**  - Cần tìm hiểu kĩ về vấn đề mình sẽ viết, trình bày.  - Cần lắng nghe ý kiến của người khác.  - Trình bày rõ ràng từng luận điểm.  - …  **Câu 6:**  - Tiếng cười hài kịch phê phán tố cáo xã hội lớn lao.  - Tiếng cười trong cái hài là một loại vũ khí, phương tiện để phê phán mặt trái của cuộc sống để phủ định tất cả những gì xấu xa, giả dối, lỗi thời.  - …. |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Ôn tập học kì I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Hệ thống lại các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn bản.

- Đặc điểm hình thức và nội dung của thơ sáu chữ, bảy chữ, văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, văn bản nghị luận, truyện cười, hài kịch.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của các kiểu văn bản đã học, kĩ năng các kiểu bài viết.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**3. Về phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung các bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

- HS trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

**d) Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi*: Em đã học những nội dung nào trong học kì 1 ?*

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ

***B3: Báo cáo, thảo luận***

1-2 HS trả lời câu hỏi, nhóm trưởng báo cáo phần chuẩn bị bài ở nhà của các thành viên trong nhóm.

***B4: Kết luận, nhận định (GV)***

- Nhận xét (hoạt động trò chơi của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động ôn tập.

- Viết tên bài học, thực hành ôn tập.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  - GV chia nhóm:  + Nhóm 1: Hoàn thành câu hỏi phần ĐỌC  + Nhóm 2: Hoàn thành câu hỏi phần TIẾNG VIỆT  + Nhóm 3: Hoàn thành câu hỏi 1, 2 phần VIẾT  + Nhóm 4: Hoàn thành câu hỏi 1, 2, 4 phần NÓI VÀ NGHE  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức chuyển sang hoàn thiện phiếu học tập số 2.  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **I. ĐỌC**  **1. Nối tên thể loại ở cột A với đặc điểm tương ứng ở cột B:**  1 – d; 2 – c; 3 – e; 4 – a; 5 – b  **2. Chọn một văn bản tiêu biểu cho mỗi thể loại đã học trong HKI để hoàn thành bảng sau:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Bài học** | **Tên văn bản** | **Tác giả** | **Thể loại** | **Đặc điểm** | | | **Nội dung** | **Hình thức** | | 1 | Nhớ đồng | Tố Hữu | Thơ bảy chữ | Bài thơ là tiếng lòng da diết với cuộc đời, cuộc sống tự do và say mê cách mạng của nhân vật trữ tình. | Thơ  Phương thức biểu đạt: Biểu cảm. | | 2 | Mưa xuân II | Nguyễn Bính | Thơ tự do | Cảm xúc rung động của tác giả trước sự kỳ diệu của tạo hóa, nhà thơ phải mượn cây bút hội họa để vẽ lại, tạc lại cái khoảnh khắc mà tâm hồn ông đang run lên cùng với niềm vui sinh nở. | Văn bản thông tin | | 3 | Bức thư của thủ lĩnh da đỏ | Xi-át-tô | Văn bản nghị luận | Qua bức thư trả lời yêu cầu mua đất của Tổng thống Mĩ Phreng-klin, thủ lĩnh người da đỏ Xi-át-tơn, đã đặt ra một vấn đề có ý nghĩa toàn nhân loại: Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên, phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình. | Văn bản  Phương thức biểu đạt: nghị luận kết hợp với miêu tả, biểu cảm. Sử dụng phép so sánh, nhân hoa, điệp ngữ phong phú đa dạng. | | 4 | Khoe của |  | Truyện cười | Truyện “Lợn cưới, áo mới” chế giễu, phê phán những người có tính hay khoe của, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội. | Cách kể chuyện ngắn gọn, gây ấn tượng cho người đọc.  - Có yếu tố gây cười, hài hước. | | 5 | Ông Giuốc- đanh mặc lễ phục | Mô-li-e | Hài kịch | Văn bản khắc họa tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho độc giả | - Sử dụng lời thoại sinh động, chân thực và phù hợp, nghệ thuật tăng cấp khiến cho lớp kịch càng ngày càng hấp dẫn, tính cách nhân vật được khắc họa thành công, rõ nét. |   **3. Tóm tắt những kinh nghiệm em đã tích lũy được ở học kì I về việc đọc hiểu văn bản theo một số thể loại cụ thể.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thể loại** | **Kinh nghiệm đọc rút ra** | | 1 | Thơ sáu chữ, bảy chữ | - Chú ý âm vần, thanh, sự trùng điệp của âm hưởng  - Đọc và cảm nhận được hình tượng ngôn nghữ trong tác phẩm  - Đọc và phát hiện ý ngoài lời thơ, dùng trí tưởng tượng để khôi phục hoàn chỉnh về đời sống cảm xúc trong bài thơ  - Thấy được giọng điệu, ý vị của thơ  - Tìm hiểu ngữ cảnh, chủ thể trữ tình của thơ | | 2 | Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên | - Tìm hiểu bố cục tổng quan  - Xác định được đối tượng thuyết minh  - Nắm chắc những đặc điểm và tính chất của sự vật, hiện tượng cần được thuyết minh | | 3 | Văn bản nghị luận | - Chú ý tìm ra các luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng để thấy được sự liên kết của văn bản  - Cần hiểu được mục đích và đối tượng hướng đến của văn bản.  - Nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả | | 4 | Truyện cười | - Khái quát những đặc trưng của thể loại truyện cười  - Chỉ ra mục đích của tiếng cười  - Trả lời câu hỏi: Cái cười ở đây bật ra nhằm mục đích gì? Có thể rút ra những bài học gì cho cuộc sống từ truyện cười đã đọc? | | 5 | Hài kịch | - Tìm hiểu nhân vật kịch  - Tìm hiểu xung đột kịch  - Tìm hiểu hành động kịch  - Tìm hiểu lời thoại |   **II. TIẾNG VIỆT**  **1. Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu**  a. Đoạn văn trên được viết theo kiểu diễn dịch  b. Câu chủ đề của đoạn văn trên là: *Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trong với cấu trúc cơ thể của chúng ta.*  c. Tìm từ Hán Việt:  - Thân thể: thân mình. Chỉ chung mình mẩy chân tay của một người.  - Hài hòa: phối kết phù hợp và cân đối, hòa thuận nhịp nhàng.  - Khôi phục: Cái gì đã mất mà lấy lại được, làm cho việc gì trở lại như vốn có, như trước đó gọi là “khôi phục”.  **2. Xác định từ ngữ địa phương, thán từ**  a. Từ ***miệt*** là từ ngữ địa phương, được dùng để chỉ “vùng, miền, thường không lớn lắm”.  b. Trong bài ca dao, ***“ơi”*** là thán từ, dùng để gọi một cách thân mật, thân thiết.    **3. Xác định từ tượng thanh, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn**  a. Trong câu tục ngữ, từ tượng thanh *uôm uôm* có tác dụng mô phỏng âm thanh của tiếng ếch kêu.  b. Nghĩa tường minh của câu tục ngữ: Khi ếch kêu uôm uôm thì ao chuôm đầy nước.  Nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ: Ếch kêu uôm uôm là dấu hiệu báo trời sắp mưa. Câu tục ngữ nêu lên một kinh nghiệm của dân gian về thời tiết.  **III. VIẾT**  **1. Điền thông tin về một số kiểu bài viết vào bảng sau:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Kiểu bài** | **Khái niệm** | **Đặc điểm** | **Bố cục** | | Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên | Là văn bản được viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên | Thường xuât hiện trong các tài liệu khoa học với các dạng như: giải thích trình tự diễn ra các hiện tượng tự nhiên, giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên..... | - Phần mở đầu  - Phần nội dung  - Phần kết thúc | | Văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống | Là kiêu văn bản thông tin trình bày ý kiến, nguyện vọng của người viết, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét giải quyết một vấn đề của đời sống thuộc thẩm quyền của họ | Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về thời gian, địa điểm, tổ chức hoặc cá nhân đề nghị, thông tin về người viết kiến nghị. | - Phần mở đầu  - Phần nội dung  - Phần kết thúc  - phụ định | | Bài văn kể lại một hoạt động xã hội | Là kiểu văn bản về về một hoạt động xã hội của chủ thể | - Thể hiện việc chuẩn bị, điễn biến và ý nghĩa của hoạt động | - Phần mở đầu  - Phần nội dung  - Phần kết thúc |   **2.** Ở học kì I của lớp 8, em được tiếp tục rèn luyện một số kiểu bài viết đã học ở lớp 6 và lớp 7. Đó là những kiểu bài như: viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do, viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội, viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống. So với những lớp trước, ở học kì này, em đã học thêm được cách triển khai chi tiết nội dung, cách trình bày và hiểu được cách làm bài văn sâu hơn các kì trước.  **IV. NÓI VÀ NGHE**  **1. Liệt kê những nội dung thực hành nói và nghe mà em đã trải nghiệm ở mỗi bài học của học kì I. Trong những nội dung ấy, em có ấn tượng với trải nghiệm ở bài học nào nhất?**  Những nội dung thực hành nói và nghe:  - Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.  - Nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó.  - Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.  - Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.  - Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.  **2. Việc nghe tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác và nghe nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó có điểm gì giống và khác nhau?**  - **Giống nhau:** Cùng tóm tắt nội dung từ bên ngoài, ý kiến của người khác.  - **Khác nhau**: Nghe tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác thì cần sự tập trung và cần xem xét ý hiểu, cách trình bày của người khác để rút kinh nghiệm còn nghe nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó thì cần sự tập trung và chọn lọc ra các ý kiến tốt nhất để trình bày.  **3. Điều quan trọng nhất cần lưu ý để việc thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống đạt kết quả như mong muốn là gì? Vì sao em cho như vậy?**  Theo em là cần tôn trọng quan điểm khác biệt. Bởi mỗi người có một suy nghĩ khác nhau, cần tôn trọng các ý kiến đó, không chen ngang mà nên nghe và thống nhất, học hỏi, tìm ra ý kiến tốt nhất để cùng nhau học tập trao đổi. |

**C.  HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS củng cố lại kiến thức đã học

**b) Nội dung**:

**- GV** tổ chức cho HS tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**- HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Nhận định về cách viết các kiểu bài đã học ở kì I được trình bày trong bảng SGK/133 là đúng hay sai? Lí giải vì sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Lần lượt cá nhân học sinh trả lời câu hỏi và lí giải  - HS lắng nghe, ghi chép ý kiến nhận xét khi giáo viên sửa chữa.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, yêu cầu HS chỉnh sửa hoàn thiện bài tập. | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Đúng** | **Sai** | **Lí giải (nếu sai)** | | 1 |  | x | Có thể sử dụng vần chân, vần lưng, vần liền, vần cách hoặc sử dụng phối hợp nhiều loại vần. | | 2 |  | x | Bố cục của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do gồm ba phần: mở đoạn (giới thiệu nhan đề bài thơ tự do, tên tác giả, nêu cảm xúc chung về bài thơ), thân đoạn (nêu các ý thể hiện cảm xúc về toàn bộ bài thơ hoặc một vài nét độc đáo của bài thơ), kết đoạn (khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với người viết). | | 3 | x |  |  | | 4 |  | x | Để thu thập tư liệu cho bài viết giải thích một hiện tượng tự nhiên, người viết không những cần chú ý quan sát và ghi chép lại cẩn thận cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên (nếu có điều kiện thuận lợi) mà còn cần tìm đọc tư liệu về hiện tượng tự nhiên muốn giải thích trên Internet, tạp chí/ sách chuyên ngành, báo, SGK, phim tư liệu, chương trình ti vi hoặc tham khảo ý kiến của các nhà nghiên cứu. | | 5 |  | x | Phần nội dung của VB kiến nghị gồm lí do kiến nghị, nội dung kiến nghị và đề xuất hướng giải pháp liên quan đến vấn đề kiến nghị (nếu có). | | 6 |  | x | Đối với bài văn kể về một chuyến đi hay một hoạt động xã hội, người kể cần kể lại các sự việc một cách chân thực theo trình tự diễn tiến của hoạt động. | | 7 | x |  |  | | 8 | x |  |  | |

**D.  HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**- GV** tổ chức cho HS tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**- HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *(1). Nếu được chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến việc trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, em sẽ chọn chia sẻ điều gì?*  *(2). Đọc diễn cảm 1 bài thơ hoặc đoạn thơ 6 chữ hoặc 7 chữ mà em yêu thích. Nêu ấn tượng của em về bài thơ, đoạn thơ ấy?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | *(1). Nếu được chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến việc trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, em sẽ chọn chia sẻ điều gì?*  Nếu được chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến việc trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, em sẽ chọn chia sẻ về cách tìm ý:  - Dựa vào bài viết lựa chọn các ý chính, các chỗ có thể lược bỏ.  - Tìm những câu mở đầu, kết thúc bài nói phù hợp, nhằm gây chú ý, tạo ấn tượng đối với người nghe.  - Sử dụng công cụ hỗ trợ như: bản tóm tắt các ý chính đề khi cần chỉ nhìn lướt qua là nhớ, chuẩn bị tìm hình ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu để trình chiếu nhằm tăng tính thuyết phục cho lí lẽ và bằng chứng.  - Dự kiến trước một số điểm thắc mắc mà người nghe có thể nêu lên để tìm cách trả lời, giải đáp.  *(2). Phần đọc và chia sẻ cảm nhận của học sinh.* |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**